

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀ AN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2022/HS-ST
Ngày: 09-9-2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ AN, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Khánh Dân

Các hội thẩm nhân dân: Ông Bế Nhật Độ và bà Hoàng Thị Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Hồng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoà An, Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà An, Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Lý Hoàng Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoà An, Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2022/TLST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nông Hoàng Đ; Tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 17/7/1988 tại Hoà An, Cao Bằng;

Nơi cư trú: Xóm N, xã N1, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn C và bà Nông Thị K; có vợ Phan Thị L và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/6/2022 đến nay; Có mặt.

2. Nông Thanh T; Tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 20/01/1987 tại Hoà An, Cao Bằng;

Nơi cư trú: Xóm B, xã N1, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Hữu T1 và bà Lương Thị H; vợ con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/6/2022 đến nay; Có mặt.

3. Đàm Văn T2; Tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 16/8/1984 tại Hoà An, Cao Bằng;

Nơi cư trú: Xóm M, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đàm Văn A (Đã chết) và bà Triệu Thị U; có vợ Lương Thị T3 và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/6/2022 đến nay; Có mặt.

4. Long Văn D; Tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 25/8/1991 tại Hoà An, Cao Bằng;

Nơi cư trú: Xóm B, xã N1, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Long Văn Đ (Đã chết) và bà Nông Thị M; có vợ Trương Thị L1 và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/6/2022 đến nay; Có mặt.

5. Nông Văn Đ1; Tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 22/01/1989 tại Hoà An, Cao Bằng;

Nơi cư trú: Xóm B, xã N1, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Hữu T1 và bà Lương Thị H; vợ con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/6/2022 đến nay; Có mặt.

6. Vương Văn K1; Tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 21/11/1993 tại Hoà An, Cao Bằng;

Nơi cư trú: Nà Mán, Ngũ Lão, Hoà An, Cao Bằng; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vương Văn T4 và bà Vi Thị T5; vợ con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/6/2022 đến nay; Có mặt.

7. Mã Văn N; Tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 05/7/1989 tại Hoà An, Cao Bằng;

Nơi cư trú: Xóm K, xã N1, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mã Nam D1 và bà Nông Thị Q; có vợ Long Thị P và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/6/2022 đến nay; Có mặt.

8. **Lưu Văn T6**; Tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 10/01/2001 tại Hoà An, Cao Bằng;

Nơi cư trú: Xóm K, xã N1, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn P1 và bà Mã Thị H1; vợ con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/6/2022 đến nay; Có mặt.

9. **Lưu Văn P1**; Tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 16/6/1976 tại Hoà An, Cao Bằng;

Nơi cư trú: Xóm K, xã N1, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn L1 (Đã chết) và bà Linh Thị O; có vợ Mã Thị H1 và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/6/2022 đến nay; Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Vương Văn K1 và bị cáo Đàm Văn T2*: Bà Lý Thị N1 là Trợ giúp viên pháp lý

Nơi công tác: Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- *Người làm chứng*:

1. Anh Lưu Văn H2; sinh năm 1998; Có mặt

2. Chị Mã Thị H1; sinh năm 1978; Có mặt

Cùng nơi cư trú tại: Xóm K, xã N1, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 29/5/2022, các bị cáo Nông Thanh T (Sinh năm 1987), Long Văn D (Sinh năm 1991), Nông Văn Đ1 (Sinh năm 1989) cùng trú tại xóm B, xã N1, huyện H, tỉnh Cao Bằng; các bị cáo Vương Văn K1 (Sinh năm 1993), Nông Hoàng Đ (Sinh năm 1988) cùng trú tại xóm N, xã N1, huyện H, tỉnh Cao Bằng; bị cáo Mã Văn N (Sinh năm 1989) trú tại xóm K, xã N1, huyện H, tỉnh Cao Bằng và bị cáo Đàm Văn T2 (Sinh năm 1984, trú tại xóm M, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng cùng đến nhà của bị cáo Lưu Văn P1 (Sinh năm 1976), trú tại xóm K, xã

N1, huyện H, tỉnh Cao Bằng) uống rượu. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, các bị cáo sử dụng bộ tú lơ khơ 52 quân bài rủ nhau đánh bạc bằng hình thức chơi “Liêng”, mục đích được thua bằng tiền mặt. Lúc này, bị cáo Lưu Văn T6 (Sinh năm 2001, con trai của bị cáo P1) về nhà thấy mọi người đang đánh bạc cũng vào tham gia cùng.

Các bị cáo thống nhất cách đánh “Liêng” như sau: Trước khi bắt đầu chơi những người tham gia phải đặt tiền “gà” cố định là 20.000 đồng (Hai mươi nghìn đồng), người chia bài chia đều cho mỗi người ba quân bài. Mỗi người chơi cầm phần bài tương ứng với vị trí ngồi và bắt đầu tố tiền. Người chia bài là người được “tố” đầu tiên, người “tố” tiếp theo lần lượt theo chiều quay kim đồng hồ. Người “tố” sau phải “tố” số tiền cao hơn hoặc bằng số tiền của người “tố” liền trước đó, việc “tố” nhiều hay ít tùy theo ý thích và sự tính toán của người chơi, không căn cứ vào nước bài của người đó. Nếu người chơi nào cảm thấy bài của mình không có khả năng thắng thì có thể không tham gia “tố”, người này úp bài xin thua sẽ bị mất tiền đặt “gà” và tiền “tố” trước đó. Ván bài kết thúc khi có người “tố” số tiền cao nhất 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) mà không ai “theo”, lúc này người “tố” nhiều tiền nhất sẽ thắng mà không cần mở bài để xem kết quả. Nếu có từ hai người trở lên có số tiền “tố” cao nhất bằng nhau thì cùng mở bài, bài cao hơn sẽ thắng. Cách tính kết quả như sau: Các quân bài từ thấp đến cao lần lượt là 2 đến 10 và các quân J, Q, K, A, mỗi quân gồm bốn “chất” thứ tự các “chất” từ thấp đến cao là “bích”, “nhép”, “cơ”, “rô”. Kết quả từng ván lần lượt từ cao đến thấp là “sáp”, “liêng”, “ảnh” và tính điểm. Sáp là trường hợp có ba quân bài cùng loại, sáp cao nhất là ba quân A, lần lượt đến thấp nhất là ba quân 2. Liêng là có ba quân bài liên tiếp nhau, liêng cao nhất là Q, K, A, lần lượt đến liêng thấp nhất là A, 2, 3. Ảnh là có ba quân bài đều là các quân J, Q, K nhưng không thể tạo thành sáp hoặc liêng. Tính điểm là cộng điểm các quân bài lại nhưng chỉ lấy hàng đơn vị, các quân 10, J, Q, K được tính là 0 điểm, A tính là 01 điểm, các quân bài từ 2 đến 9 có số điểm tương ứng, bài ai nhiều điểm hơn sẽ thắng. Trường hợp cùng là sáp, liêng, ảnh hoặc cùng số điểm thì bài của ai “chất” cao hơn sẽ thắng. Người thắng được thu toàn bộ tiền đặt “gà” và tiền “tố” của những người đánh bạc, người thua mất toàn bộ tiền “gà” và tiền đã “tố”. Người thắng là người chia bài của ván tiếp theo.

08 (Tám) bị cáo ngồi đánh bạc ở dưới chiếu trong nhà bị cáo P1, vị trí ngồi theo chiều quay kim đồng hồ (Từ phải qua trái) theo thứ tự: bị cáo D, Nông Thanh T, Đ, K1, T2, Đ1, Lưu Văn T6, N; còn bị cáo P1 ngồi trên ghế giữa vị trí K1 và T2 để xem mọi người chơi. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, bị cáo P1 được bị cáo Nông Thanh T cho 20.000 đồng (Hai mươi nghìn đồng) để tham gia đánh

bạc cùng mọi người; nhưng đánh 02 (Hai) ván bài đều bị thua nên không đánh nữa mà tiếp tục ngồi xem các bị cáo khác chơi.

Các bị cáo đánh bạc đến 01 giờ 30 phút, ngày 30/5/2022 thì bị Công an huyện Hoà An, Cao Bằng phối hợp với Công an xã Ngũ Lão, Hòa An, Cao Bằng bắt quả tang và thu giữ được 01 (Một) bộ tú lơ khơ 52 quân bài, số tiền mặt 16.870.000 đồng (Mười sáu triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng) dùng để đánh bạc.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nông Hoàng Đ, Nông Thanh T, Đàm Văn T2, Long Văn D, Nông Văn Đ1, Vương Văn K1, Mã Văn N, Lưu Văn T6, Lưu Văn P1 thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố; các bị cáo nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật.

Tại phiên tòa, lời khai của những người làm chứng chị Mã Thị H1 và anh Lưu Văn H2 cũng thừa nhận những nội dung mà các bị cáo đã trình bày là chính xác.

Tại bản cáo trạng số 35/CT-VKSHA, ngày 22/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà An, Cao Bằng đã truy tố các bị cáo Nông Hoàng Đ, Nông Thanh T, Đàm Văn T2, Long Văn D, Nông Văn Đ1, Vương Văn K1, Mã Văn N, Lưu Văn T6, Lưu Văn P1 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1, Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo D; Xử phạt bị cáo từ 12 (Mười hai) đến 15 (Mười năm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội Đánh bạc; Thời gian thử thách từ 24 (Hai mươi bốn) đến 30 (Ba mươi) tháng;

- Áp dụng khoản 1, Điều 321; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nông Thanh T, T2 và Đ1; Xử phạt mỗi bị cáo từ 09 (Chín) đến 12 (Mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội Đánh bạc; Thời gian thử thách từ 18 (Mười tám) đến 24 (Hai mươi bốn) tháng;

- Áp dụng khoản 1, Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo N và Lưu Văn T6; Xử phạt mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) đến 25.000.000 đồng (Hai mươi năm triệu đồng) về tội Đánh bạc.

- Áp dụng khoản 1, Điều 321; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đ và K1; Xử phạt mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) đến 25.000.000 đồng (Hai mươi năm triệu đồng) về tội Đánh bạc.

- Áp dụng khoản 1, Điều 321; Điểm i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo P1; Xử phạt các bị cáo từ 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) đến 25.000.000 đồng (Hai mươi năm triệu đồng) về tội Đánh bạc.

- Về việc xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy 01 (Một) bộ tú lơ kho gồm 52 quân bài đã qua sử dụng và tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền mặt 16.870.000 đồng (Mười sáu triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng) các bị cáo dùng để đánh bạc. Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Tại phần tranh luận, các bị cáo không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên về tội danh cũng như mức hình phạt. Người bào chữa cho các bị cáo T2 và bị cáo K1 có quan điểm nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt đã đề nghị đối với hai bị cáo T2 và K1. Khi nói lời sau cùng, các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hòa An, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, những người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo, các yếu tố cấu thành tội phạm:

Tại phiên tòa các bị cáo nhận tội, lời khai của các bị cáo và những người làm chứng phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xác định:

Trong khoảng thời gian từ 21 giờ ngày 29/5/2022 đến 01 giờ 30 phút ngày 30/5/2022, các bị cáo Nông Hoàng Đ, Nông Thanh T, Đàm Văn T2, Long Văn D, Nông Văn Đ1, Vương Văn K1, Mã Văn N, Lưu Văn T6, Lưu Văn P1 đã có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức chơi “Liêng”, mục đích được thua bằng tiền, với tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 16.870.000 đồng (Mười sáu triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng).

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Với những căn cứ trên, Hội đồng xét xử khẳng định các bị cáo Nông Hoàng Đ, Nông Thanh T, Đàm Văn T2, Long Văn D, Nông Văn Đ1, Vương Văn K1, Mã Văn N, Lưu Văn T6 và Lưu Văn P1 đã phạm tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự;

“Điều 321. Tội đánh bạc

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp ảnh hưởng đến trật tự xã hội ở địa phương, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân và là một trong những nguyên nhân phát sinh tội phạm. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật, nhưng vì háms lợi nên vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có tổ chức.

Trong vụ án này, bị cáo Lưu Văn P1 là chủ sở hữu ngôi nhà nơi xảy ra đánh bạc, ngoài hành vi đánh bạc trái phép đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị cáo P1 còn có hành vi sử dụng địa điểm thuộc quyền sở hữu của mình cho người khác đánh bạc. Tuy nhiên, số người tham gia đánh bạc trong cùng một lúc chưa đủ 10 (Mười) người, tổng số tiền dùng đánh bạc trong cùng 01 (Một) lần chưa đến 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) nên hành vi chưa đủ yếu tố cấu thành tội Tổ chức đánh bạc được quy định tại Điều 322 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với bị cáo P1 về hành vi này là đúng với quy định của pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;

- Tình tiết giảm nhẹ:

+ Tất cả các bị cáo Nông Hoàng Đ, Nông Thanh T, Đàm Văn T2, Long Văn D, Nông Văn Đ1, Vương Văn K1, Mã Văn N, Lưu Văn T6, và Lưu Văn P1 đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội,

thể hiện sự ăn năn hối cải của bản thân. Do đó, các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

+ Bị cáo Nông Hoàng Đ có bố là thương binh, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba; Bị cáo Nông Thanh T và Nông Văn Đ1 có bố là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng ba; Bị cáo Vương Văn K1 có bố được tặng Huân chương chiến công hạng ba; Bị cáo Đàm Văn T2 có bố được tặng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng ba. Do đó, các bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

+ Bị cáo Lưu Văn P1 là con của liệt sỹ Lưu Văn L1 và bố bị cáo từng được tặng thưởng Huân chương chiến công hạng ba. Do đó, bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, tất cả các bị cáo đã nhận thức đầy đủ về hành vi phạm tội của mình, tỏ ra ăn năn và hứa không tái phạm. Đối với các bị cáo Đ, K1, N, Lưu Văn T6 và P1 bản thân các bị cáo có khả năng kinh tế để chấp hành hình phạt tiền; Xét thấy áp dụng hình phạt tiền vẫn đảm bảo được tính giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Vì vậy, cần phạt nặng về kinh tế, áp dụng phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo có điều kiện là phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với các bị cáo Nông Thanh T, T2, D và Đ có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, các bị cáo không có điều kiện để thi hành hình phạt tiền nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, tạo điều kiện để các bị cáo làm ăn lương thiện và có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo vẫn đảm bảo mục đích cải tạo, giáo dục riêng đối với các bị cáo cũng như phòng ngừa chung đối với xã hội.

[4] Mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với từng bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và đặc điểm nhân thân của các bị cáo nên được chấp nhận.

[5] Về ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Đàm Văn T2 và bị cáo Vương Văn K1: Quan điểm của người bào chữa nhất trí như đại diện Viện kiểm sát đề xuất về tội danh, tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt đối với hai bị cáo T2 và K1. Do đó,

Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[6] Về xử lý vật chứng vụ án:

- Đối với 01 (Một) bộ tú lơ khơ gồm 52 quân bài đã qua sử dụng. Đây là công cụ phạm tội của các bị cáo nên cần tịch thu, tiêu hủy;

- Đối với số tiền mặt 16.870.000 đồng (Mười sáu triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng) là vật chứng của vụ án. Đây là số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc nên cần tịch thu, sung ngân sách Nhà nước.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bản thân các bị cáo có nghề nghiệp làm ruộng, lao động tự do và không nghề nghiệp, thu nhập không ổn định và không có tài sản riêng; đồng thời một số bị cáo đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với tất cả các bị cáo.

[8] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nông Hoàng Đ, Nông Thanh T, Đàm Văn T2, Long Văn D, Nông Văn Đ1, Vương Văn K1, Mã Văn N, Lưu Văn T6 và Lưu Văn P1 phạm tội “*Đánh bạc*”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt đối với các bị cáo:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nông Hoàng Đ và Vương Văn K1.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Mã Văn N và Lưu Văn T6.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lưu Văn P1.

Xử phạt các bị cáo Nông Hoàng Đ, Vương Văn K1, Mã Văn N, Lưu Văn T6 và Lưu Văn P1, mỗi bị cáo 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Long Văn D.

Xử phạt bị cáo Long Văn D 12 (Mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 09/9/2022. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã N1, huyện H, tỉnh Cao Bằng quản lý, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nông Thanh T, Đàm Văn T2 và Nông Văn Đ1.

Xử phạt bị cáo Nông Thanh T 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách từ 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 09/9/2022. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã N1, huyện H, tỉnh Cao Bằng quản lý, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Đàm Văn T2 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách từ 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 09/9/2022. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng quản lý, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Nông Văn Đ1 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách từ 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 09/9/2022. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã N1, huyện H, tỉnh Cao Bằng quản lý, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

- Tịch thu, tiêu hủy 01 (Một) bộ tú lơ khơ, gồm 52 quân bài đã qua sử dụng;
- Tịch thu, sung ngân sách Nhà nước 01 (Một) phong bì niêm phong tiền vật chứng vụ án, mặt trước phong bì có chữ AGRIBANK và ghi: “Vật chứng vụ án đánh bạc, bị bắt quả tang ngày 30/5/2022 tại xóm K, xã N1, huyện H, tỉnh Cao Bằng, số tiền 16.870.000 đồng (Mười sáu triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng)”. Mặt sau phong bì có đóng 04 dấu của Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Hòa An và chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong.

Xác nhận số vật chứng trên đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23/8/2022.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nông Hoàng Đ, Nông Thanh T, Đàm Văn T2, Long Văn D, Nông Văn Đ1, Vương Văn K1, Mã Văn N, Lưu Văn T6 và Lưu Văn P1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Công an huyện Hòa An;
- VKSND huyện Hoà An;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Chi cục THADS Hòa An;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vi Khánh Dân